

Số: 10/2024/QĐST-HNGĐ

Nậm Nhùn, ngày 02 tháng 8 năm

2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 06 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị Ó**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: **Bản M, xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu.**

Nơi công tác: **Trường Mầm Non B, xã L, thị xã M, tỉnh Điện Biên.**

Bị đơn: Anh **Mào Văn T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Bản M, xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu.**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Lò Thị Ó** và anh **Mào Văn T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lò Thị Ó** và anh **Mào Văn T** nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị **Lò Thị Ó** và anh **Mào Văn T** có 01 (một) con chung chưa thành niên là cháu **Mào Anh T1**, sinh ngày 16/01/2018. Chị **Lò Thị Ó** và anh **Mào Văn T** thỏa thuận, thống nhất sau khi ly hôn:

Chị **Lò Thị Ó** là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con chung chưa thành niên là cháu **Mào Anh T1**, sinh ngày 16/01/2018 cho đến khi con chung **Mào A** Thụ trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Anh **Mào Văn T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Lò Thị Ó** và anh **Mào Văn T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị **Lò Thị Ó** và anh **Mào Văn T** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Nguyên đơn chị **Lò Thị Ó** và bị đơn anh **Mào Văn T** mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị **Lò Thị Ó** tự nguyện nộp toàn bộ án phí của vụ án bao gồm cả phần án phí mà anh **Mào Văn T** phải chịu. Tổng cộng chị **Lò Thị Ó** phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Xác nhận chị **Lò Thị Ó** đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: 0000469 ngày 27/6/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Nay trả lại cho chị **Lò Thị Ó** 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- Chi Cục THADS huyện Nậm Nhùn;
- UBND xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Văn Dũng

